

NĂNG LỰC THÍCH ỨNG VỚI SỰ THAY ĐỔI TRONG HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

Nguyễn Thị Phương Nhung
Khoa Giáo dục Tiểu học - Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh
Email: Ntpnhung@vinhuni.edu.vn

Tóm tắt: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã tạo ra những biến chuyển trong đời sống, kinh tế - xã hội và đặt ra nhiều thách thức mới đối với ngành Giáo dục và Đào tạo. Do đó nhiệm vụ đặt ra cho đội ngũ giáo viên tiểu học cần có một tâm thế sẵn sàng ứng phó với những thách thức, với những thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp hiện nay. Chính vì vậy, trong bài báo này chúng tôi xác định những thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học trong bối cảnh hiện nay, chỉ ra được các biểu hiện, cấu trúc của năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học và các hoạt động phát triển năng lực đó.

Từ khóa: Năng lực thích ứng; Thay đổi trong nghề nghiệp giáo viên; Giáo viên tiểu học.

ADAPTABILITY TO CHANGE IN PROFESSIONAL ACTIVITIES OF PRIMARY SCHOOL TEACHERS

Nguyễn Thị Phương Nhung
Faculty of Primary Education - School of Education, Vinh University
Email: Ntpnhung@vinhuni.edu.vn

Abstract: The 4th industrial revolution has created changes in life, economy and society and posed many new challenges for the Education and Training industry. Therefore, the task set for primary school teachers needs to be ready to respond to challenges and changes in current professional activities. Therefore, in this article we have identified changes in the professional activities of primary school teachers in the current context, pointing out the manifestations and structures of the ability to adapt to change. Changes in the professional activities of primary school teachers and activities to develop that capacity.

Keywords: Competency adaptation; Primary teacher; Changer teacher profession

Nhận bài: 12/10/2022

Phản biện: 05/11/2024

Duyệt đăng: 08/11/2024

I. GIỚI THIỆU

Thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học (GVTH) là một trong những năng lực (NL) cần có của bất kỳ một giáo viên (GV) trong bối cảnh hiện nay. Năng lực thích ứng (NLTU) có được nhờ vào nhiều yếu tố, có yếu tố thuộc về tâm lý, có yếu tố thuộc về giáo dục và có cả mức độ trải nghiệm cuộc sống của mỗi con người. Tuy nhiên NL là sự tổng hợp tri thức, kỹ năng và ý thức thái độ được phát triển thông qua khả năng thực hiện một hoạt động có hiệu quả nên việc bổ sung, cập nhật cho GV những yếu tố liên quan đến các thành tố tạo nên NL cũng là một trong những tiếp cận “Tăng cường năng lực thích ứng” trong đổi mới giáo dục hiện nay.

Đầu thế kỉ XX, thuật ngữ “thích ứng” không chỉ được sử dụng trong tâm lý học mà còn được sử dụng rộng rãi trong một số ngành khoa học xã hội

khác như khoa học giáo dục, kinh tế học, xã hội học,... Điềm qua các nghiên cứu trong và ngoài nước như Collie, R. và Martin, A. (2016), Nguyễn Văn Hộ (2010), Dương Thị Nga (2012), Mã Ngọc Thê (2016), Nguyễn Thành Long (2017),... đã có nhiều tác giả đề cập đến các hướng nghiên cứu như: Nghiên cứu chung về thích ứng; thích ứng với môi trường sống mới; thích ứng với hoạt động học tập của học sinh (HS) và sinh viên (SV); thích ứng trong quá trình đào tạo nghề; thích ứng hoạt động nghề;... Nhận thấy các tác giả đã đề cập đến khái niệm thích ứng nghề nghiệp, các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến thích ứng nghề nghiệp cũng như các chỉ số đặc trưng cho thích ứng nghề nghiệp. Hầu hết các tác giả đều có xu hướng cho rằng: Thích ứng nghề nghiệp là quá trình thích nghi với những đặc điểm lao động và điều kiện của quá trình lao động; thích

ứng nghề nghiệp là quá trình nhận thức, thay đổi tình cảm và hành động với nghề nghiệp. Như vậy có thể thấy rằng, năng lực thích ứng trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên là khả năng tiếp nhận và phản hồi một cách tích cực về mặt nhận thức, hành vi và thái độ trước những thay đổi hoặc biến chuyển phức tạp của môi trường và các yếu tố nghề nghiệp. Năng lực thích ứng là một tiêu chí quan trọng nhằm đánh giá năng lực nghề nghiệp thực tiễn của GV trong bối cảnh hoạt động nghề nghiệp. Để đánh giá năng lực thích ứng của GV, cần thiết phải xác định những khó khăn, thách thức và nhận diện những thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của GV trên các phương diện gồm: Môi trường dạy học và giáo dục nhà trường, Chương trình GD, Năng lực nghề nghiệp GV, Mối quan hệ nhà trường – gia đình – xã hội, Cách đánh giá HS,...

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để có được kết quả nghiên cứu này chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận để tìm hiểu các nghiên cứu trong nước và ngoài nước về năng lực thích ứng nghề nghiệp trong giáo dục để từ đó chỉ ra vấn đề cần nghiên cứu đồng thời xác định các biểu hiện và cấu trúc của năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học. Ngoài ra, sử dụng phương pháp nghiên cứu thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các hoạt động phát triển năng lực thích ứng.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Những thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên

3.1.1. Thay đổi về môi trường dạy học và giáo dục trong nhà trường

Mô hình học tập thay đổi dựa trên phương thức giao tiếp và tương tác giữa người dạy - người học, người học – người học cũng như môi trường học tập được mở rộng và tiếp sức bởi hệ thống phương tiện công nghệ hiện đại. Từ đó mở ra cơ hội bình đẳng cho người học được tiếp cận với toàn bộ nền tri thức của nhân loại cũng như phát triển tối đa năng lực cá nhân và hình thành các kỹ năng tương tác xã hội.

Các mô hình học tập phổ biến của thế kỉ 21 bao gồm: học tập trực tiếp (Face to Face), học tập trực tuyến (Online Learning), học tập kết hợp (Blended Learning), học tập hỗn hợp (Hybrid Learning).

Thực tế cho thấy rằng, từ thế kỉ XX, vai trò của GV đã thay đổi rất nhiều. Trong những năm qua chúng ta chứng kiến sự biến đổi nhanh chóng về

văn hóa, xã hội lẫn những bước tiến vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là sự phổ cập Internet. Những yếu tố này tác động tới phong cách dạy và học cũng như văn hóa và cách thức vận hành trường học. Từ đó thúc đẩy bước chuyển hay sự thích nghi tương ứng của cơ sở vật chất hay hạ tầng trường học.

3.1.2. Thay đổi về chương trình giáo dục

Chương trình GDPT 2018 được ban hành theo thông tư 32 ngày 26/12/2018 là một dấu mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi về chương trình giáo dục phổ thông theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện nhằm phát triển năng lực người học. Đối sánh với Chương trình giáo dục GDPT 2006, Chương trình GDPT 2018 có những điểm mới nổi bật như sau:

- (1) Chương trình GDPT 2018 theo tiếp cận năng lực, lấy người học làm trung tâm;
- (2) Chương trình giáo dục có tính phân hóa và tích hợp;
- (3) Chương trình có tính phân luồng và hướng nghiệp;
- (4) Chương trình có tính mở, giao quyền tự chủ cho GV và nhà trường.

So với CTGDPT 2006 vốn mang tính tập trung cao, quy định chi tiết về nội dung, phân phối số tiết trong năm học và yêu cầu GV thực hiện triệt để, tuân thủ chặt chẽ từ cấp quốc gia đến địa phương, Chương trình GDPT 2018 quy định yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS để tạo điều kiện cho tác giả SGK và GV phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quá trình triển khai thực hiện chương trình nhà trường. Cụ thể như lựa chọn nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và việc đánh giá kết quả giáo dục phù hợp với HS và điều kiện thực tế của môn học, văn hóa, kinh tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường.

3.1.3. Thay đổi về năng lực nghề nghiệp giáo viên

Năng lực nghề nghiệp của GV được hình thành và xác định trên cơ sở thực hiện các hoạt động nghề nghiệp đặc thù, trong đó xác định rõ hệ thống các yêu cầu, hướng dẫn và các chỉ số tương ứng giúp GV luôn xem xét lại bản thân trong quá trình thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trên cơ sở tham khảo mô hình năng lực Biết - Làm - Phát triển (Know/Do/Be) của Drake, 2000: (1) Những kiến thức, hiểu biết nào là quan trọng để thực hiện việc dạy học, giáo dục HS và phát triển cá nhân? (2) Các quá trình đó cần phải được thực hiện như thế nào cho hiệu quả? (3) Thực sự GV muốn trở thành người như thế nào trong các quá trình này. Với cách tiếp cận đó, chuẩn nghề nghiệp GV phổ

thông Việt Nam bám sát tính đặc thù trong hoạt động chuyên môn của người GV, thể hiện trong 4 lĩnh vực: Tổ chức dạy học theo chuyên môn được đào tạo; Tổ chức các hoạt động GD, phát triển nhân cách cho HS; Tổ chức hoạt động phối hợp với các lực lượng GD khác; Bồi dưỡng, tự bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp chuyên môn.

3.1.4. Thay đổi về mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội

Chương trình giáo dục của Việt Nam đang được xây dựng theo hướng phát triển NL cho người học. Theo xu thế đó, phương pháp sư phạm (giáo viên) và cơ chế vận hành trường học (nhà quản lý) cũng cần thích ứng, hay chính xác hơn là tiên phong cải tiến để tạo ra một môi trường giáo dục phù hợp với mục tiêu mới. Trường học trở thành nơi thực hành triết lý và các chính sách bình đẳng trong giáo dục. Trong đó, xây dựng và vận hành trường học trong mối quan hệ gắn kết giữa nhà trường - gia đình - xã hội thay đổi theo các chiến lược hành động cụ thể nhằm hướng tới mục tiêu đáp ứng tốt hơn cho tất cả người học, tập trung ở các giải pháp chính gồm: (1) Tập trung vào cốt lõi của giảng dạy - trọng tâm của quá trình dạy và học; (2) Triển khai công nghệ giáo dục để cung cấp năng lượng cho trường học theo cách đáp ứng nhu cầu dạy và học cũng như ngăn chặn công nghệ trở thành một phương tiện tốn kém; (3) Xây dựng mối quan hệ bền chặt hơn giữa GV và phụ huynh; (4) Thực hành các nguyên tắc của khoa học cải tiến để đánh giá, chỉnh sửa khóa học, học liệu và mở rộng các phương pháp tiếp cận mới có thể giúp tăng cường sức mạnh cho trường học qua thời gian.

3.1.5. Thay đổi về đánh giá học sinh

Mục tiêu đánh giá nhằm cung cấp thông tin chính xác, khách quan, có giá trị, kịp thời về mức độ đạt chuẩn chương trình của HS để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng GD. Căn cứ đánh giá dựa trên các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn học. Đối tượng đánh giá bao gồm sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS. Trong đó, chú trọng đánh giá thường xuyên do GV tổ chức, phối hợp đánh giá của cha mẹ HS, của HS được đánh giá và của các HS khác. Kiểm tra đánh giá được xác

định là một khâu song hành và có tác động qua lại trực tiếp với quá trình dạy học. Vì vậy GVTH cần nhận thức và nhận diện sâu sắc về sự chuyển đổi hệ thống trong logic tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá đối với HS và lớp học ở từng điều kiện cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dạy học cũng như năng lực hoạt động nghề nghiệp bản thân.

3.2. Biểu hiện và cấu trúc của năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên tiểu học

3.2.1. Biểu hiện của năng lực thích ứng

- Cập nhật kiến thức chuyên môn và kiến thức xã hội nhanh và chính xác:

- Điều chỉnh linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục học sinh: giáo viên phải hóa giải được những khó khăn trong quá trình cụ thể hóa chương trình cấp quốc gia vào trong chương trình nhà trường. Điều đó có nghĩa là giáo viên có thể áp dụng kiến thức đã có vào những đối tượng mới (sự đồng hóa) hoặc những đối tượng mới tác động ngược trở lại chủ thể buộc họ phải điều chỉnh kiến thức của mình nhằm giải quyết vấn đề nảy sinh, thích nghi với điều kiện, môi trường mới (sự điều ứng) trong dạy học.

- Thực hiện được những nhiệm vụ thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp: mỗi giáo viên cần phải nhận diện được một cách chính xác với những thay đổi có tính thời sự; phát triển chương trình, kỹ năng phân tích chương trình và sự thể hiện của chương trình phổ thông. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng môi trường giáo dục, phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, sử dụng được ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục

- Lập kế hoạch phát triển bản thân phù hợp với yêu cầu của sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp: hiểu và nắm được quy trình, phương pháp lập kế hoạch thực hiện các thay đổi chương trình giáo dục phổ thông.

3.2.2. Cấu trúc của năng lực thích ứng

- Về kiến thức: Muốn thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp trước hết giáo viên cần chuẩn bị tâm thế đối mặt với sự thay đổi và chuẩn bị những điều kiện tối thiểu cho sự thay đổi về tri thức gồm các nội dung sau: Xác định được những thay đổi đối với môi trường dạy học và giáo dục trong nhà trường trong bối cảnh

giáo dục hiện nay; Cập nhật được những thay đổi trong chương trình giáo dục phổ thông 2018; Trang bị đầy đủ năng lực nghề nghiệp giáo viên; Xác định được mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội trong bối cảnh hiện nay; Những thay đổi về đánh giá học sinh theo định hướng tiếp cận năng lực.

- *Về kỹ năng*: GVTH trong bối cảnh đổi mới cần có những kỹ năng sau: Phân tích được chương trình giáo dục phổ thông, nghiên cứu sự thể hiện của chương trình giáo dục phổ thông vào trong các bộ sách giáo khoa; Điều chỉnh được kế hoạch bài dạy sao cho phù hợp với điều kiện vùng miền, phù hợp với cơ sở vật chất của nhà trường, phù hợp với nhận thức của học sinh,... một cách linh hoạt; Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân với hoạt động nghề nghiệp; Có khả năng nhận diện được các tác động của những thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên và triển khai các sự thay đổi; Có khả năng hóa giải được những xung đột, những thách thức không mong muốn trong quá trình thực hiện và tiếp nhận sự thay đổi để từ đó hình thành được kỹ năng “ra quyết định cho một thay đổi”; Quản lý được sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

- *Về thái độ*: Để thích ứng với những thay đổi trong GD, GVTH cần: Có thái độ tích cực để vận dụng tri thức, kỹ năng hiệu quả vào các hoạt động

nghề nghiệp của giáo viên; Linh hoạt cao độ, không bảo thủ, mục tiêu kiên định nhưng phương pháp đi đến mục tiêu thay đổi theo “thời thế”, đừng thỏa mãn với thành công, phải “đi biển, ứng biến” tức là lấy thay đổi để ứng phó với thay đổi; Tự điều chỉnh được bản thân: kiểm soát được cảm xúc, khả năng chuyển hóa chúng thành trạng thái tích cực; khả năng cảm thấy thoải mái với các thách thức và khả năng thích ứng với cái mới; Có khả năng vượt qua thử thách của sự thay đổi một cách hiệu quả nhất; Có niềm tin vào kết quả của sự thay đổi, động lực; Có sự nhạy cảm với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên

3.3. Các hoạt động phát triển năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của Giáo viên Tiểu học

3.3.1. Xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo

3.3.1.1. Lập kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo.

Khi tham gia vào lập kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục ở trường Tiểu học, giáo viên cần phân tích bối cảnh thực tiễn, điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị mình ở thời điểm hiện tại để xác định mục tiêu, nhiệm vụ cần hướng tới. Ma trận SWOT là một công cụ hiệu quả giúp phân tích đánh giá thực trạng của nhà trường.

SWOT	Tích cực/ có lợi trong việc đạt được mục tiêu	Tiêu cực/ có hại trong việc đạt được mục tiêu
Tác nhân bên trong (sự thật, yếu tố,... phát sinh từ nội bộ)	S (strong - điểm mạnh) Cần phải được duy trì, sử dụng chúng làm nền tảng, đòn bẩy	W (weaknesses - điểm yếu) Cần được thay thế, sửa chữa hoặc chấm dứt
Tác nhân bên ngoài (sự thật, yếu tố,... phát sinh từ môi trường xung quanh)	O (opportunities - cơ hội) Cần được tận dụng, ưu tiên, nắm bắt kịp thời, xây dựng và phát triển trên những cơ hội này	T (threats - nguy cơ) Cần đưa những ra những nguy cơ này vào kế hoạch nhằm đưa ra các phương án, phòng bị và giải quyết vấn đề.

Kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo ở trường Tiểu học được thiết lập theo các bước sau: Bước 1. Xác định mục tiêu; Bước 2. Phân tích bối cảnh nhà trường; Bước 3. Xác định các nội dung cần xây dựng; Bước 4.

Thiết kế; Bước 5. Xác định nguồn lực, nhân lực. Bước 5. Xác định cách thức, phương tiện; Bước 6. Thực thi; Bước 7. Đánh giá.

Ví dụ. Dựa trên kế hoạch nhà trường đã xây dựng, GV phân tích, đánh giá các nội dung sau:

Tiêu chí	Đánh giá (Mức độ phù hợp với điều kiện của nhà trường)	Góp ý, điều chỉnh
Các nội dung môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo nhà trường đề xuất xây dựng		
Đối tượng chủ trì		
Biện pháp thực hiện		
Nguồn lực (người, nguồn kinh phí, cơ sở vật chất)		
Thời gian		
Kết quả, sản phẩm		

3.3.1.2. Thực hiện kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo ở trường Tiểu học

Để tổ chức thực hiện kế hoạch tổng thể về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện ở trường Tiểu học, hiệu trưởng cần chỉ đạo các tổ chức và các nhân trong trường, cụ thể với GV và HS như sau:

- Các tổ/nhóm chuyên môn và GV

Xây dựng kế hoạch xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo lồng ghép vào quá trình triển khai CTGDPT 2018 của tổ/nhóm chuyên môn GV theo kế hoạch của nhà trường; dự báo những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những giải pháp giải quyết khó khăn khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông để mỗi cán bộ, GV đều biết rõ công việc mình phải làm, luôn có ý thức chia sẻ trách nhiệm, tích cực tham gia vào việc ra các quyết định dạy và học.

+ Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện CTGDPT 2018.

+ Thường xuyên giám sát, hỗ trợ công việc của các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc và đề xuất với nhà trường các biện pháp xử lý. Tổng hợp ý kiến và báo cáo lãnh đạo nhà trường trong quá trình thực hiện xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo ở trường Tiểu học.

- Tổ chức Đội/lớp/ học sinh toàn trường

Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường có vai trò quan trọng

trong các hoạt động giáo dục chính trị, truyền thống, đạo đức, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật của thanh niên, học sinh. Chẳng hạn như: Xây dựng mô hình các câu lạc bộ như CLB học tập, CLB theo sở thích (hát, múa, thể thao...); Nêu gương điển hình (người tốt-việc tốt); Phát động các phong trào phù hợp với đặc điểm của HS; Phát triển các hình thức “Học mà chơi-chơi mà học”.

3.4.1.3. Đa dạng hóa các hình thức xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo ở cấp Tiểu học

- Tổ chức dạy học có hiệu quả các môn học

Quy trình tổ chức hoạt động học tập gồm các bước: Giao nhiệm vụ học tập → Thực hiện nhiệm vụ → Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ → Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. nên gia tăng sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như dạy học giải quyết vấn đề, dạy học dự án, dạy học theo nhóm, phương pháp đóng vai, trò chơi,...

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm

Khi thực hiện, GV phân công nhiệm vụ cho các lớp, các lớp thực hiện các nhiệm vụ theo chủ đề từng tháng; chuyển giao nhiệm vụ cho các tổ/ nhóm HS theo chỉ định của GV; hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ HS trong quá trình tổ chức đội nhóm. GV tổ chức cho HS giám sát đánh giá các hoạt động thực hiện quy tắc, nề nếp văn hóa của nhà trường, phân công HS là sao đỏ ghi nhận học sinh vi phạm; đề xuất các tổ chức trong nhà trường khen thưởng các gương HS điển hình trong việc thực hiện xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện... Ví dụ: Sinh hoạt lớp. Có thể lồng ghép các nội dung khác trong hoạt động sinh hoạt lớp theo gợi ý sau:

Hoạt động 1: Khởi động	
Hình thức	Ca hát
Thời gian	5 phút
Người thực hiện	GV + HS
Hoạt động 2: Sơ kết tuần trước và phổ biến kế hoạch tuần sau	
Hình thức	Trao đổi, thảo luận
Nội dung	1. Tóm tắt công việc, phê bình, tuyên dương, tổng kết chung 2. Triển khai kế hoạch của trường, của lớp trong tuần tới
Thời gian	15 phút
Người thực hiện	GV + HS
Hoạt động 3: Tổ chức trò chơi: Xem hình ảnh đoán nội dung	
Hình thức	Tổ chức trò chơi
Nội dung	Chủ đề: “Trường học thân thiện”
Thời gian	20 phút
Người thực hiện	GV + HS
Cách thức tiến hành	GV chủ nhiệm chiếu các hình ảnh, HS xem hình ảnh và đoán hình ảnh đó nói đến điều gì.
Tiêu chí chấm điểm	Ai nhanh sẽ được trả lời, trả lời sai cơ hội sẽ chuyển cho người khác (GVCN sẽ khen thưởng cho các bạn trả lời đúng)
Hoạt động 4: Tổng kết	
Hình thức	Cả lớp
Nội dung	Tổng kết các nội dung đã trình bày trong buổi sinh hoạt
Thời gian	5 phút
Người thực hiện	GV + HS

3.3.2. Sinh hoạt chuyên môn theo hướng chuyên sâu, đa dạng hóa, hiện đại hóa

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các nhà trường bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

(1) *Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên*: được tổ chức định kỳ 2 lần/tháng theo Điều lệ trường Tiểu học, bao gồm các nội dung: Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ; Thảo luận các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn học/hướng dẫn hoạt động giáo dục; thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, làm cho nội dung các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu học cập nhật, phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với vùng miền; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên; Thảo luận về việc hướng dẫn học sinh sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập; trang trí, sắp xếp dụng cụ học tập trong góc học tập (nếu có); Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phát huy vai trò chủ động tích cực của học sinh; Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá

trình và kết quả học tập của học sinh; Các hoạt động hành chính, sự vụ,... khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn theo quy định của điều lệ/quy chế nhà trường.

(2) *Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề*: Hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung: Thảo luận việc xây dựng các chuyên đề dạy học, căn cứ vào chương trình và sách giáo khoa hiện hành, lựa chọn nội dung để xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong điều kiện thực tế của nhà trường; Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh; Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh; xây dựng các ma trận đề kiểm tra, đề kiểm tra; mô tả các câu hỏi và bài tập theo 4 mức

độ nhận thức nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao theo định hướng phát triển năng lực học sinh; Thảo luận trao đổi về sáng kiến kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của giáo viên và cán bộ quản lý; Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trên phạm vi huyện, tỉnh, cả nước; Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về các chủ đề liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ,...

3.3.3 Nghiên cứu khoa học giáo dục loại hình ứng dụng một cách chủ động, linh hoạt

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là một chu trình liên tục tiến triển. Chu trình này bắt đầu bằng việc giáo viên quan sát thấy có các vấn đề

trong lớp học hoặc trường học. Những vấn đề đó khiến họ nghĩ đến các giải pháp thay thế nhằm cải thiện hiện trạng. Khi lựa chọn các giải pháp thay thế, giáo viên thường tham khảo nhiều nguồn thông tin, đồng thời tìm kiếm, sáng tạo xây dựng giải pháp mới thay thế. Sau đó, thử nghiệm những giải pháp thay thế này trong lớp học hoặc trường học. Sau khi thử nghiệm, giáo viên tiến hành kiểm chứng xem những giải pháp thay thế đó có hiệu quả hay không. Đây chính là bước cuối cùng của chu trình suy nghĩ - thử nghiệm - kiểm chứng.

Quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng được xây dựng dưới dạng một khung gồm 7 bước như sau:

Bước	Hoạt động
1. Hiện trạng	Giáo viên (người nghiên cứu) suy nghĩ, phát hiện ra những hạn chế của hiện trạng trong việc dạy - học, quản lý giáo dục và các hoạt động khác trong nhà trường. Xác định các nguyên nhân gây ra hạn chế đó, lựa chọn một nguyên nhân để tác động nhằm cải thiện hiện trạng.
2. Giải pháp thay thế	Giáo viên (người nghiên cứu) suy nghĩ về các giải pháp thay thế cho giải pháp hiện tại và liên hệ với các ví dụ đã được thực hiện thành công có thể áp dụng vào tình huống hiện tại; Xác định tên đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.
3. Vấn đề nghiên cứu	Giáo viên (người nghiên cứu) xác định các vấn đề cần nghiên cứu (dưới dạng câu hỏi) và nêu các giả thuyết.
4. Thiết kế	Giáo viên (người nghiên cứu) lựa chọn thiết kế phù hợp. Thiết kế bao gồm việc xác định nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng (nếu cần), quy mô nhóm và thời gian thu thập dữ liệu.
5. Đo lường	Giáo viên (người nghiên cứu) xây dựng công cụ đo lường và thu thập dữ liệu theo thiết kế nghiên cứu đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị.
6. Phân tích	Giáo viên (người nghiên cứu) phân tích các dữ liệu thu được và giải thích để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Giai đoạn này có thể sử dụng các công cụ thống kê.
7. Kết quả	Giáo viên (người nghiên cứu) đưa ra câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu, đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

Dựa vào khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng này GV, cán bộ quản lý lập kế hoạch nghiên cứu. Áp dụng theo khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, trong suốt quá trình triển

khai đề tài, người nghiên cứu sẽ không bỏ qua những khía cạnh quan trọng của nghiên cứu.

3.3.4. Tham gia tích cực, đa dạng các hoạt động xã hội và chính trị - xã hội

Việc lên kế hoạch tham gia vào các hoạt động chính trị xã hội của GV có thể trực tiếp hoặc gián tiếp và theo các bước sau: Bước 1: Xác định mục đích, lí do tham gia; Bước 2: Lựa chọn nội dung hoạt động phù hợp bản thân; Bước 3: Xem xét hình thức hoạt động mà bản thân có tham gia.; Bước 4: Lựa chọn các phương tiện, điều kiện cần thiết cho hoạt động mà mình tham gia; Bước 5: Lựa chọn các biện pháp thực hiện; Bước 6: Thời điểm tham gia; Bước 7: Kết quả việc tham gia

Ví dụ: Hoạt động nhân đạo, từ thiện

a. Mục đích

Giúp đỡ, chia sẻ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, các hộ nghèo với tinh thần “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách”.

b. Nội dung tham gia

- Tham gia tuyên truyền cho đồng nghiệp hiểu rõ về ý nghĩa của các hoạt động từ thiện, nhân đạo.

- Tham gia tích cực các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”; “Vì người nghèo”, phong trào “Gây quỹ từ thiện của nhà trường”.

c. Hình thức tham gia

- Nắm vững các nội dung và hình thức tham gia hoạt động từ thiện;

- Vận động mọi người cùng tham gia hoạt động từ thiện;

- Góp quỹ, xây dựng quỹ,...

- Tặng quần áo, sách vở, ủng hộ tiền,...

d. Phương tiện, điều kiện tham gia

Tham gia thông qua các tổ chức Công Đoàn, Chữ Thập Đỏ, Đội Thanh niên, Hội Phụ nữ,...

e. Biện pháp thực hiện

- Thường xuyên cập nhật thông tin về các hoạt động từ thiện ở nhà trường và địa phương qua các kênh thông tin khác nhau.

- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để có điều kiện, thời gian tham gia các hoạt động từ thiện.

g. Thời điểm tham gia

- Trong các hoạt động Đội thể của nhà trường

- Trong buổi sinh hoạt tại địa phương

h. Kết quả

- Mang lại niềm vui cho bản thân và mọi người.

- Góp phần giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, hộ nghèo,...

Như vậy, người GV ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ giáo dục, dạy học thì còn cần sắp xếp thời gian công việc để tham gia đầy đủ các hoạt động chính trị xã hội nhằm phát triển bản thân và mang lại nhiều giá trị cho cộng đồng.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu của bài báo đã góp phần giải quyết vấn đề lí luận về năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của GVTH, đồng thời đề xuất được các hoạt động phát triển năng lực thích ứng. Bên cạnh đó, giúp GVTH nhận thấy rằng năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của GVTH là một trong những năng lực cần có của bất kỳ một giáo viên. Và các cơ sở giáo dục cũng nhận thấy được nếu không thích ứng với sự thay đổi hoạt động nghề nghiệp thì không phát triển được trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội, 2018.

Rebecca J.Collie, Andrew J.Martin, Adaptability: An Important Capacity for Effective Teachers, *Educational Practice and Theory*, Vol.38 (1/2016), 27-39,2016.

Dương Thị Nga. *Phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên cao đẳng sư phạm*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Thái Nguyên, 2012

Nguyễn Văn Hộ, *Thích ứng sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội,2000.

Nguyễn Phương Huyền, Dương Thị Hoàng Yến (2022), *Thích ứng của giáo viên đối với đổi mới chương trình giáo dục phổ thông*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Vol. 38, 3/2022, 85-95.

Nguyễn Thành Long, *Phát triển kỹ năng thích ứng nghề qua thực hành, luyện tập nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng kỹ thuật*. Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,2017.

Nguyễn Thị Phương Nhung, *Rèn luyện kỹ năng thích ứng với việc phát triển chương trình môn Toán ở cấp Tiểu học cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Vinh.

Mã Ngọc Thê, *Thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập*. Luận án tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2016

VVOB Giáo dục vì sự phát triển, *Tăng cường mối quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội, góp phần thúc đẩy xã hội hóa công tác giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012.